

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 02 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 361/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 05 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thế Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/06/2012
Bà Trần Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/06/2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Thế Long

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Số: 1139 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được lập ngày 20 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2012

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.472.912.719	120.552.597.983
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.993.844.573	8.635.449.081
111	1. Tiền		11.993.844.573	8.635.449.081
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.836.046.904	14.650.046.904
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.836.046.904	14.650.046.904
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		96.701.440.189	64.688.727.482
131	1. Phải thu của khách hàng		480.000.000	550.046.947
132	2. Trả trước cho người bán		22.638.385.174	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	3.782.055.310	5.648.000.000
138	5. Các khoản phải thu khác	7	69.950.999.705	58.490.680.535
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(150.000.000)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	92.323	92.323
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		941.488.730	32.578.282.193
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		345.958.425	727.074.872
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	59.886.637	25.867.953
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	535.643.668	31.825.339.368
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.527.822.267	33.201.940.417
220	II. Tài sản cố định		1.427.331.929	1.882.446.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	810.784.388	1.059.008.725
222	- Nguyên giá		4.687.160.921	4.633.674.048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.876.376.533)	(3.574.665.323)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	616.547.541	823.437.868
228	- Nguyên giá		1.831.239.400	1.831.239.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.214.691.859)	(1.007.801.532)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	540.000.000	540.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		540.000.000	540.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		31.560.490.338	30.779.493.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	30.701.752.903	30.040.019.001
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	15	769.039.995	649.777.383
268	4. Tài sản dài hạn khác		89.697.440	89.697.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		158.000.734.986	153.754.538.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		18.060.348.443	13.905.908.934
310	I. Nợ ngắn hạn		18.060.348.443	13.905.908.934
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	6.391.049.465	6.115.836.809
312	2. Phải trả người bán		1.229.322.635	1.144.349.994
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	30.585.693	49.960.675
316	6. Chi phí phải trả	18	113.999.057	113.999.057
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	10.188.047.560	6.481.762.399
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		107.344.033	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		139.940.386.543	139.848.629.466
410	I. Vốn chủ sở hữu		139.940.386.543	139.848.629.466
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	138.000.000.000	138.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.940.386.543	1.848.629.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		158.000.734.986	153.754.538.400



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		35.513.000.000	61.339.520.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		32.510.000.000	57.327.050.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	131.410.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		32.510.000.000	57.195.240.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	400.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.210.000.000	1.210.000.000
	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.210.000.000	1.210.000.000
014	- Chứng khoán chờ thanh toán		1.789.500.000	2.755.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ giao dịch		1.789.500.000	2.755.000.000
029	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.500.000	47.470.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.500.000	47.470.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.168.000.000	3.092.610.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.168.000.000	3.092.610.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	50.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	3.092.560.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.168.000.000	7.010.000.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	



Nguyễn Thị Năm
Kế toán trưởng



Vũ Thế Long
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	4.396.956.236	9.004.263.236
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		4.325.465.458	1.535.807.235
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		71.490.778	378.860.571
01.9	Doanh thu khác		-	7.089.595.430
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		4.396.956.236	9.004.263.236
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	2.492.355.153	8.060.489.585
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		1.904.601.083	943.773.651
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.957.873.787	1.829.681.865
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.272.704)	(885.908.214)
31	8. Thu nhập khác		175.615.474	568.790.106
40	10. Lợi nhuận khác		175.615.474	568.790.106
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		122.342.770	(317.118.108)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	30.585.693	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>91.757.077</u>	<u>(317.118.108)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	7	(23)



Nguyễn Thị Năm
Kế toán trưởng



Vũ Thế Long
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		122.342.770	(317.118.108)
02	Khấu hao tài sản cố định		508.601.537	531.638.317
03	Các khoản dự phòng		150.000.000	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(278.868.629)	-
06	Chi phí lãi vay		372.045.045	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		874.120.723	214.520.209
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(876.449.980)	(11.615.508.993)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(186.000.000)	340.222.016
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.133.599.283	7.094.826.803
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(280.617.455)	297.946.037
13	Tiền lãi vay đã trả		(372.045.045)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.556.151)	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(382.664.584)	(6.336.832.575)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		2.888.386.791	(10.004.826.503)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(53.486.873)	(367.530.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		248.282.918	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		194.796.045	(367.530.000)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		275.212.656	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		275.212.656	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.358.395.492	(10.372.356.503)

5-C.T.T.V
TY
HỮU HẠN
Ư VẤN
TOÁN VÀ
OÁN
TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		8.635.449.081	13.483.220.107
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>11.993.844.573</u>	<u>3.110.863.604</u>


Nguyễn Thị Năm
Kế toán trưởngVũ Thế Long
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.848.629.466	91.757.077	-	1.940.386.543
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		139.848.629.466	91.757.077	-	139.940.386.543

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.659.027.450	(317.118.108)	-	1.341.909.342
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		139.659.027.450	(317.118.108)	-	139.341.909.342


Nguyễn Thị Năm
Kế toán trưởngVũ Thế Long
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012

11105
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
HÌNH KẾ T
KIỂM TOI
KIỂM-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 02 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 361/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 05 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

1105-C
G TY
ỆM HỮU H
TƯ V
KẾ TOÁN
TOÁN
M-TP.H

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của người đầu tư	36.633.620	420.897.324.000
- Cổ phiếu	36.633.620	420.897.324.000
	<u>36.633.620</u>	<u>420.897.324.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền	11.993.844.573	8.635.449.081
- Tiền mặt tại quỹ	10.883.696.860	8.204.968.586
- Tiền gửi ngân hàng	1.110.147.713	430.480.495
	<u>11.993.844.573</u>	<u>8.635.449.081</u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chứng khoán thương mại	14.836.046.904	14.650.046.904
- Chứng khoán niêm yết	83.546.904	83.546.904
- Chứng khoán chưa niêm yết	14.752.500.000	14.566.500.000
	<u>14.836.046.904</u>	<u>14.650.046.904</u>

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND
- Cổ phiếu Mai Linh Group	73.500	73.500	416.500.000	416.500.000
- Cổ phiếu Công ty CP Du lịch Huế	627.500	627.500	14.150.000.000	14.150.000.000
- Cổ phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000	-	186.000.000	-
- Cổ phiếu lẻ			83.546.904	83.546.904
			<u>14.836.046.904</u>	<u>14.650.046.904</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	3.782.055.310	5.648.000.000
	3.782.055.310	5.648.000.000

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	42.168.500
Phải thu người lao động	17.285.011	-
Đặt cọc mua văn phòng	-	22.638.385.174
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sông Hồng	40.807.002.748	15.807.002.748
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường nước Việt	-	20.000.000.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	27.000.000.000	-
Phải thu Công ty Vietnam Land	772.000.000	-
Phải thu khác	1.354.711.946	3.124.113
	69.950.999.705	58.490.680.535

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	92.323	92.323
	92.323	92.323

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	41.728.605	25.867.953
Các loại thuế khác	18.158.032	-
	59.886.637	25.867.953

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng mua Cổ phiếu VinaPower	-	10.344.000.000
Tạm ứng mua phần mềm quản lý chứng khoán	-	8.600.000.000
Tạm ứng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sông Hồng	-	12.500.000.000
Tạm ứng khác	535.643.668	381.339.368
	535.643.668	31.825.339.368

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	259.674.360	1.505.810.000	2.868.189.688	-	4.633.674.048
Số tăng trong kỳ	-	-	53.486.873	-	53.486.873
- Mua sắm mới	-	-	53.486.873	-	53.486.873
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	259.674.360	1.505.810.000	2.921.676.561	-	4.687.160.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	221.709.261	862.703.655	2.490.252.407	-	3.574.665.323
Số tăng trong kỳ	43.279.070	94.113.126	212.912.035	-	350.304.231
- Trích khấu hao	43.279.070	94.113.126	164.319.014	-	301.711.210
- Tăng do phân loại lại	-	-	48.593.021	-	48.593.021
Số giảm trong kỳ	(48.593.021)	-	-	-	(48.593.021)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do phân loại lại	(48.593.021)	-	-	-	(48.593.021)
Số dư cuối kỳ	216.395.310	956.816.781	2.703.164.442	-	3.876.376.533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	37.965.099	643.106.345	377.937.281	-	1.059.008.725
Số dư cuối kỳ	43.279.050	548.993.219	218.512.119	-	810.784.388

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	1.831.239.400	1.831.239.400
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.831.239.400	1.831.239.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1.007.801.532	1.007.801.532
Số tăng trong kỳ	206.890.327	206.890.327
- Trích khấu hao	206.890.327	206.890.327
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.214.691.859	1.214.691.859
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	823.437.868	823.437.868
Số dư cuối kỳ	616.547.541	616.547.541

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)	540.000.000	540.000.000
	540.000.000	540.000.000

(*) Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh BĐS Nam Hà Nội.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước tiền thuê văn phòng ⁽¹⁾	30.616.760.000	29.885.640.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.992.903	154.379.001
	30.701.752.903	30.040.019.001

(1) Theo hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	649.777.383	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	61.732.019	290.831.344
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	57.530.593	20.233.564
Số dư cuối kỳ	769.039.995	649.777.383

16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.391.049.465	6.115.836.809
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	6.391.049.465	6.115.836.809
	6.391.049.465	6.115.836.809

(1) Các khoản vay cá nhân với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30.585.693	21.556.151
Thuế Thu nhập cá nhân	-	28.404.524
	30.585.693	49.960.675

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí tiền điện	113.999.057	113.999.057
	113.999.057	113.999.057

00111
CÔNG
RÁCH NH
DỊCH V
TÀI CHÍNH
KIẾ
HOÀN H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.610.200	16.354.200
Bảo hiểm xã hội	48.985.693	-
Bảo hiểm y tế	66.622.950	36.796.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.039.977.002	6.427.273.012
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.851.715	1.338.237
	10.188.047.560	6.481.762.399

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Công ty TNHH Đất Việt Nam	48,70%	67.206.000.000	48,70%	67.206.000.000
Vốn góp của Bà Hoàng Ngân Hà	48,31%	66.662.000.000	48,31%	66.662.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	2,99%	4.132.000.000	2,99%	4.132.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	138.000.000.000	138.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	4.396.956.236	9.004.263.236
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.325.465.458	1.535.807.235
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	71.490.778	378.860.571
- Doanh thu khác	-	7.089.595.430
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	4.396.956.236	9.004.263.236

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.205.169.763	7.837.925.896
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	20.920.192	68.301.965
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	17.294.400	8.519.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	129.708.353	60.298.500
Chi phí khác	119.262.445	85.444.224
	2.492.355.153	8.060.489.585

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.281.596.611	1.238.291.133
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	81.036.098	132.217.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.997.148	208.223.498
Chi phí dự phòng	150.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.622.085	(109.945.707)
Chi phí khác bằng tiền	204.621.845	360.895.559
	1.957.873.787	1.829.681.865

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	122.342.770	(317.118.108)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	122.342.770	(317.118.108)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.585.693	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.585.693	-

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	91.757.077	(317.118.108)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	91.757.077	(317.118.108)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7	(23)

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.993.844.573	-	8.635.449.081	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.213.055.015	(150.000.000)	64.688.727.482	-
Đầu tư ngắn hạn	14.836.046.904	-	14.650.046.904	-
Đầu tư dài hạn	540.000.000	-	540.000.000	-
Cộng	101.582.946.492	(150.000.000)	88.514.223.467	-

011110
CÔNG
TCH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH KẾ
KIỂM T
AN KIỂM

S.G.P.
C
CHU
V
Q. HOÀ

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6.391.049.465	6.115.836.809
Phải trả người bán, phải trả khác	11.417.370.195	7.626.112.393
Chi phí phải trả	113.999.057	113.999.057
	17.922.418.717	13.855.948.259

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	6.391.049.465	-	-	6.391.049.465
Phải trả người bán, phải trả khác	11.417.370.195	-	-	11.417.370.195
Chi phí phải trả	113.999.057	-	-	113.999.057
Cộng	17.922.418.717	-	-	17.922.418.717
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	6.115.836.809	-	-	6.115.836.809
Phải trả người bán, phải trả khác	7.626.112.393	-	-	7.626.112.393
Chi phí phải trả	113.999.057	-	-	113.999.057
Cộng	13.855.948.259	-	-	13.855.948.259

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



C.
TY
IÂN
KHO.
TÍN
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư, góp vốn	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.325.465.458	71.490.778	-	4.396.956.236	4.396.956.236
Chi phí trực tiếp	2.205.169.763	20.920.192	266.265.198	2.492.355.153	2.492.355.153
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	1.782.258.313
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.120.295.695	50.570.586	(266.265.198)	1.904.601.083	122.342.770
Tài sản bộ phận	5.568.718.700	83.412.089.647	-	88.980.808.347	88.980.808.347
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	69.019.926.639
Tổng tài sản				88.980.808.347	158.000.734.986
Nợ phải trả của các bộ phận	10.147.321.035	-	-	10.147.321.035	10.147.321.035
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	7.913.027.408
Tổng nợ phải trả				10.147.321.035	18.060.348.443

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

T toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Đặt cọc mua văn phòng			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	22.638.385.174	22.638.385.174
Trả trước tiền thuê văn phòng			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	30.616.760.000	29.885.640.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	364.175.000	492.667.064

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 chưa được kiểm toán.



Nguyễn Thị Năm
Kế toán trưởng



Vũ Thế Long
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2012